

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 10/2023/KDTM-GĐT

Ngày: 12/4/2023

*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
yêu cầu hỗ trợ lãi suất và bồi
thường thiệt hại về tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung.

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Đảng Sĩ Hiến- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hỗ trợ lãi suất và bồi thường thiệt hại về tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q1 của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

Địa chỉ: B, H, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T- Trưởng Phòng Kiểm soát rủi ro- Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh L1, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 112/2022/GUQ-CNLA ngày 28/9/2020).

2. Bị đơn: Công ty TNHH K.

Địa chỉ: Đường A, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Văn T1 - Phó Giám đốc Công ty TNHH K, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 09/2018 ngày 06/6/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Vũ Khắc Đ, Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Khắc Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP S (S1)

Địa chỉ: Số B, Đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thanh D- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc D1- Chuyên viên tố tụng- Trung tâm Xử lý nợ S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Q1 của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) do bà Nguyễn Thị Thu T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Theo đề nghị vay vốn ngày 18/6/2009 của Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K), Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S1) đã cho Công ty K vay tiền theo hình thức tín dụng dư nợ giảm dần tổng số tiền là 7.000.000.000 đồng (09 lần), mục đích vay là đầu tư mua đóng mới sà lan tự hành, kỳ hạn là 84 tháng, gốc được trả dần hàng Q vào ngày 15 của tháng cuối Q, lãi được trả theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng trên số tiền gốc còn nợ. Ngày đến hạn cuối cùng là ngày 15/7/2016, lãi suất 10,5%/năm áp dụng cho sáu tháng đầu, đến tháng thứ bảy, lãi suất bằng mức lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 13 tháng cộng 4,3%/năm.

Thực hiện cam kết, Công ty K đã trả cho S1 tổng số tiền nợ gốc là 1.347.690.000 đồng, cụ thể:

Ngày 15/4/2010 trả 270.000.000 đồng;

Ngày 15/7/2010 trả 270.000.000 đồng;

Ngày 23/10/2010 trả 269.230.000 đồng;

Ngày 24/01/2011 trả 269.230.000 đồng;

Ngày 23/4/2011 trả 269.230.000 đồng.

Đồng thời, Công ty K cũng thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, đến kỳ trả tiền lãi vào ngày 15/5/2011, Công ty K không thực hiện việc trả tiền lãi và đến kỳ trả nợ gốc tiếp theo, Công ty K không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc làm phát sinh nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Sau nhiều lần S1 nhắc nhở, Công ty K đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc được 290.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 18/6/2012 trả 20.000.000 đồng;

Ngày 25/6/2012 trả 20.000.000 đồng;

Ngày 04/9/2012 trả 30.000.000 đồng;

Ngày 27/10/2012 trả 120.000.000 đồng;

Ngày 01/12/2012 trả 100.000.000 đồng.

Do đó, Công ty K còn nợ S1 tính đến ngày 01/10/2020 là tổng cộng là 22.427.593.872 đồng, gồm:

Số tiền nợ gốc: 5.362.310.000 đồng.

Số tiền lãi trong hạn: 4.330.579.930 đồng.

Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: 12.734.703.942 đồng.

Ngoài ra, ngày 21/01/2011, với mục đích bổ sung vốn lưu động, Công ty K lại xác lập hợp đồng tín dụng hạn mức 800.000.000 đồng, trong 12 tháng, (đến hạn là ngày 21 tháng 01 năm 2012), thời hạn trả tiền gốc không quá sáu tháng, kể từ ngày nhận nợ, trả lãi vào ngày 01 hàng tháng trên số tiền gốc, mức lãi suất 19,2%/năm và 19,44%/năm. Công ty K1 nhận nợ hai lần:

Lần thứ nhất, ngày 21/01/2011: 633.000.000 đồng.

Lần thứ hai, ngày 23/4/2011: 167.000.000 đồng.

Công ty K thực hiện việc trả nợ lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Đến kỳ trả lãi vào ngày 01/6/2011, Công ty K không trả lãi và đến hạn trả nợ gốc, Công ty K cũng không trả nợ gốc. Do vậy, đối với khoản vay này, tính đến hôm nay, Công ty K còn nợ S1 3.100.504.294, gồm:

Số tiền nợ gốc: 800.000.000 đồng.

Số tiền lãi trong hạn: 42.271.540 đồng.

Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: 2.258.232.754 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty K đã thế chấp cho S1 tài sản là 01 chiếc sà lan tự hành, Biển kiểm soát LA-05699, tên phương tiện Vàm cỏ 99, đóng năm 2009, nơi đóng: Xí nghiệp đóng tàu S, chiều dài thiết kế: 68m, chiều dài lớn nhất: 72m, chiều cao mạn: 4,6m, chiều chìm: 04m, mạn khô: 0,61m, chiều rộng thiết kế: 12,9m, chiều rộng lớn nhất: 13,15m; vật liệu vỏ: thép, số lượng kiểu và công suất máy chính: 02 máy-CUMMINS, 11698114-11626360-850CV, trọng tải: 2.360T (hoặc 93TEU) (theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 5699/ĐK do Sở Giao thông vận tải tỉnh L cấp cho Công ty TNHH K vào ngày 11/01/2011).

Ngày 27/12/2013, S1 đã bán khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên cho Công ty TNHH MTV Q1 các tổ chức tín dụng Việt Nam (gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 31/VAMC- S1.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH K trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng cộng 25.528.098.166 đồng gồm 6.162.310.000 đồng tiền nợ gốc, 4.372.851.470 đồng tiền lãi trong hạn và 14.992.936.696 đồng tiền phạt chậm trả lãi.

Đồng thời, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án.

Bị đơn Công ty TNHH K do ông Trương Văn T1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Quá trình ký kết hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần tổng số tiền là 7.000.000.000 đồng như đại diện S1 trình bày là đúng. Với mục đích là đầu tư mua đóng mới sà lan tự hành, dự toán là 11.084.364.375 đồng. Đến ngày 29/5/2010, sà lan đã hoàn thành nhưng chi phí phát sinh làm cho giá sà lan lên đến 13.500.000.000 đồng, trong khi các cơ sở cung ứng vật tư chỉ cấp hóa đơn hợp lệ là 10.568.910.118 đồng. Vì vậy, Công ty K không đủ tiền để trả cho Xí nghiệp Đ1 để nhận sà lan, còn nợ lại 633.363.953 đồng.

Đến ngày 21/01/2011, S1 mới đồng ý cho Công ty K vay thêm số tiền 800.000.000 đồng như nêu trên. Trong thời gian 08 tháng S1 mới đồng ý cho Công ty K vay thêm thì trong thời gian 08 tháng này, Công ty K cũng đã trả cho S1 được tổng 1.416.283.986 đồng, gồm 808.460.000 đồng tiền nợ gốc và 607.823.986 đồng tiền lãi đúng hạn. Công ty K sử dụng số tiền vay 800.000.000 đồng để trả 633.363.953 đồng tiền nợ đóng sà lan và còn số tiền 167.000.000 đồng thì Công ty K đắp thêm vốn cho đủ 269.230.000 đồng để trả số tiền nợ gốc cho S1 vào ngày 23/4/2011. Như vậy, phía Công ty K đã chấp hành rất tốt việc trả số nợ nợ gốc đã vay và tiền lãi đúng hạn nhưng trong thời gian 08 tháng không được S1 hỗ trợ vay thêm cũng như hỗ trợ lãi suất làm Công ty K thất thu rất lớn. Do đó, việc S1 cho rằng Công ty K không trả nợ đúng hạn là không đúng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, Công ty K đã trả nợ đúng như cam kết. Tuy nhiên, trong thời gian nền kinh tế gặp khó khăn lẽ ra S1 cần có những biện pháp hỗ trợ cho Công ty K theo các Chỉ thị của Ngân hàng N (Công ty đã cung cấp cho Tòa), song, S1 đã không kịp thời thực hiện nên đã gây ra thiệt hại cho Công ty K, cụ thể:

Việc S1 chậm cho vay khoản tiền 800.000.000 đồng ngày 21/01/2011 dẫn đến Công ty K không nhận được sà lan để đưa vào kinh doanh, trong khi đó Công ty K đã trả nợ gốc và lãi đúng hạn như trình bày trên.

Không xem xét cơ cấu lại nợ theo yêu cầu của Công ty K ngày 15/4/2011.

S1 không thực hiện việc hỗ trợ cho Công ty K tiền lãi theo quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/4/2009 của Thủ Tướng Chính phủ và Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 07/4/2009 của Ngân hàng N, tổng số tiền hỗ trợ là 560.000.000 đồng (7.000.000.000 đồng x 4%/năm x 02 năm).

Từ ngày 18/7/2012, S1 không cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa cho sà lan LA-05699 làm cho sà lan không hoạt động được, mặc dù đã nhiều lần Công ty K yêu cầu nhưng S1 kiên quyết không cấp bản sao cho sà lan hoạt động. Hành vi này của S1 đã gây thiệt hại cho Công ty K. Do sà lan không đưa vào hoạt động được gây thất thu cho Công ty K nên Công ty không đồng ý đóng tiền lãi theo yêu cầu của S1.

Do vậy, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà yêu cầu nguyên đơn phải:

Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất trong hai năm cho Công ty K như đã trình bày với số tiền 560.000.000 đồng.

Bồi thường thiệt hại do việc không cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa làm cho Công ty K không thu được lợi nhuận. Hành vi của S1 không đúng với quy định của pháp luật. Cụ thể là Thông tư số 10/2001/TT-BGTVT ngày 11/6/2001 hướng dẫn sử dụng việc cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa để lưu hành phương tiện khi phương tiện cầm cố, thế chấp để vay vốn tại các tổ chức tín dụng và Thông tư số 07/2003/TT-NHNN ngày 19/5/2003 của Ngân hàng N hướng dẫn thực hiện một số quy định về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng. Do đó, Công ty K yêu cầu S1 bồi thường 14.200.000.000 đồng (theo phương án kinh doanh mà Công ty K đã nộp cho S1).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S (S1) do ông Hoàng Tư L là người đại diện hợp pháp là trình bày:

S1 không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của Công ty K. Bởi vì, S1 không có lỗi trong việc không cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa cho sà lan LA-05699 gây thiệt hại cho Công ty K.

Lý do S1 không cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa cho sà lan LA-05699 là do Công ty TNHH K không mua bảo hiểm đối với tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và không cung cấp cho S1 các giấy tờ chứng nhận việc đã mua bảo hiểm cho tài sản thế chấp.

Đối với các chứng từ bảo hiểm mà Công ty K cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố Tân An vào năm 2013, S1 không nhận được các chứng từ này từ Công ty K. Ngoài ra, các chứng từ mà Công ty K đã cung cấp cho Tòa không thể hiện thông tin của người thụ hưởng là S1. Mặt khác, S1 cũng chưa từng ký bất kỳ văn bản liên quan đến hồ sơ bảo hiểm với các Công ty bảo hiểm mà Công ty K đã cung cấp cho Tòa. Công ty K từ khi ký kết hợp đồng tín dụng đến trước khi S1 phát đơn khởi kiện, không hề nhận được yêu cầu bằng văn bản về việc yêu cầu cung cấp bản sao cho đến ngày 01/4/2013 S1 khởi kiện tại Tòa.

Tại Bản án sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 01/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH K trả cho Công ty TNHH MTV Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam 25.528.098.166 đồng. Gồm:

Tiền nợ gốc: 6.162.310.000 đồng;

Tiền lãi trong hạn: 4.372.851.470 đồng;

Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: 14.992.936.696 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục thực hiện việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số 17572 ngày 17/01/2011 được Công chứng tại Phòng C tỉnh Long An (nay là Văn phòng C1) và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/01/2011, để đảm bảo việc thi hành án.

Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của Công ty TNHH K.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, ông Trương Văn Ư là người đại diện theo pháp luật của Công ty K kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 08/2022/KDTM-PT ngày 27/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH K.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam về việc yêu cầu Công ty TNHH K trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 17572 ngày 15/7/2009 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1102100036 ngày 21/01/2011.

Buộc Công ty TNHH K trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng cộng 18.107.024.154 đồng; gồm 6.162.310.000 đồng tiền nợ gốc, 4.372.851.470 đồng tiền lãi trong hạn và 7.571.862.684 đồng tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục thực hiện việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số 17572 ngày 17/01/2011 do Phòng C tỉnh Long An (nay là Văn phòng C1) công chứng ngày 18/01/2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/01/2011 để đảm bảo việc thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam về việc yêu cầu Công ty TNHH K trả 7.421.074.012 đồng tiền phạt chậm trả lãi.

Tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 17572 ngày 15/7/2009 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1102100036 ngày 21/01/2011 đối với thỏa thuận phạt chậm trả lãi.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP S phải trả cho Công ty TNHH K 560.000.000 đồng tiền hỗ trợ lãi suất được hưởng theo Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/4/2009 của Thủ tướng Chính Phủ và Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 07/4/2009 của Ngân hàng N.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do không cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699 để lưu hành kinh doanh từ ngày 20/4/2011 đến ngày 01/10/2020 là 103 tháng (đã trừ 06 tháng được cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và 07 tháng hoạt động không được cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa).

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH K tổng cộng 14.923.657.331 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do không cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699 tổng cộng là 5.676.342.669 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng

TMCP S cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP S phải cấp cho Công ty TNHH K bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699.

Trường hợp Công ty TNHH K trả hết số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi thì Công ty T2 Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP S phải trả cho Công ty TNHH K bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699.

Ngoài ra, Tòa án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 18/10/2022, Ngân hàng TMCP S có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 34/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 17/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với một phần Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy một phần Bản án phúc thẩm đối với phần giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết phúc thẩm lại phần bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Công ty TNHH K yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam (viết tắt là VAMC) và Ngân hàng TMCP S (viết tắt là S1) có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do không cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (viết tắt là Giấy chứng nhận ĐKPTTND) đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699 để lưu hành kinh doanh từ ngày 20/4/2011 đến ngày 01/10/2020 là 103 tháng (đã trừ 06 tháng được S1 cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND và 07 tháng hoạt động chui không được S1 cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND), mỗi tháng 200.000.000 đồng, tổng cộng là 20.600.000.000 đồng.

[1.1]. Việc cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận ĐKPTTND) đối với chiếc sà lan có Biển số LA-05699 được S1 và Công ty K thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp động sản ngày 17/01/2011, cụ thể như sau:

Tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp động sản ngày 17/01/2011 quy định:

Bên nhận thế chấp có quyền: “... Được xem xét, kiểm tra trực tiếp tài sản bảo đảm, nhưng không được cản trở hoặc gây khó khăn cho việc sử dụng, khai thác tài sản bảo đảm... ”.

Bên thế chấp có quyền: “... Được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản... ” và có nghĩa vụ: “... Phải mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm trong suốt thời gian thế chấp, nếu tài sản bảo đảm bắt buộc phải mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của bên nhận thế chấp... ”.

Tại khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp động sản ngày 17/01/2011 quy định: “... Các bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Bên nào không thực hiện đúng, đầy đủ các thỏa thuận trong Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật... ”.

[1.2]. Ngoài ra, tại tiểu mục 5.3 mục 5 Phần 2 của Thông tư số 07/2003/TT- NHNN ngày 19/5/2003 của Ngân hàng N quy định: “... Đối với tài sản cầm cố là phương tiện vận tải... có giấy chứng nhận đăng ký... thì tổ chức tín dụng phải giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký; khách hàng vay, bên bảo lãnh được dùng bản sao có chứng nhận của cơ quan công chứng Nhà nước và xác nhận của tổ chức tín dụng (nơi nhận cầm cố, thế chấp) để lưu hành phương tiện trong thời gian cầm cố, thế chấp... ”.

Như vậy, theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp và quy định của pháp luật, có căn cứ xác định Công ty TNHH Khánh Phong có quyền khai thác công dụng của sà lan và Sacombank không được cản trở hoặc gây khó khăn cho việc sử dụng, khai thác nhưng Sacombank có quyền xem xét, kiểm tra trực tiếp sà lan. Công ty TNHH Khánh Phong được quyền sử dụng bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND có chứng nhận của cơ quan công chứng và xác nhận của Sacombank trong thời gian thế chấp.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu Tâm là người đại diện hợp pháp của VAMC cho rằng, do Công ty TNHH Khánh Phong không mua bảo hiểm chiếc sà lan Biển số LA-05 699/2.360T và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Sacombank không cung cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND là không đúng, vì: Công ty TNHH Khánh Phong đã được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm sà lan trong khoảng thời gian Ngân hàng không cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND và trong Hợp đồng tín dụng cũng không quy định Sacombank không cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND khi Công ty TNHH Khánh Phong vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

[3]. Hơn nữa, tổng giá trị thực tế của chiếc sà lan có Biển số LA-05699/2.360T được đóng mới là 13.500.000.000 đồng, vốn tự có của Công ty Khánh Phong là: 6.500.000.000 đồng (chiếm 48,15%), Sacombank chỉ cho vay 7.000.000.000 đồng (chiếm 51,85% tổng giá trị sà lan) và đến thời điểm ngày 23/4/2011 nợ gốc của khoản vay này chỉ còn 5.362.310.000 đồng (Sacombank chiếm tỉ lệ chỉ còn 39,72%) nhưng Sacombank lại không thực hiện việc cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND dẫn đến chiếc sà lan có Biển số LA-

05699/2.360T không lưu hành được và mất doanh thu làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Khánh Phong.

[4]. Do Sacombank không cấp bản sao Giấy chứng nhận ĐKPTTND cho Công ty TNHH Khánh Phong nên chiếc sà lan có Biển số LA-05699 không thể lưu hành kiểm thu nhập để trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Sacombank dẫn đến Công ty TNHH Khánh Phong thiệt hại do mất thu nhập là lỗi của Sacombank.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC) và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do mất thu nhập cho Công ty TNHH Khánh Phong số tiền 14.923.657.331 đồng là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận Kháng nghị số 34/QĐ-VKS-KDTM ngày 17/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 08/2022/KDTM-PT ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An giữa nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam với bị đơn là Công ty TNHH Khánh Phong và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;
- TAND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: PHÒNG LTHS, hồ sơ vụ án; THS (ĐSH).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa